

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 16/01/2025

“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án sơ thẩm số 18/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Hương N, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q (nay là xã Q), huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q (nay là xã Q), huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá K, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi tạm trú: Số B T, phường T, quận L, thành phố Hà Nội; Hiện cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K (về quan hệ con chung): Bà Trịnh Thị L, sinh năm 2001; địa chỉ: Số F, ngõ B K, quận T, thành phố Hà Nội; ông Nguyễn Ngọc T, bà Lương Thị Y, bà Trịnh Thanh H1; cùng địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Ông T có mặt; bà L, bà H1 vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; bà Y vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh K: Bà Luân Thị N1 -

Luật sư, Công ty L3, Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: Số F V, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Bá K1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Ông K1 vắng mặt, bà H2 có mặt.

4. *Người làm chứng*:

4.1. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q (nay là xã Q), huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4.2. Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ (nay là xã Q), huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4.3. Anh Hồ Đình N3, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q (nay là xã Q), huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4.4. Ông Nguyễn Trọng T1 – Trưởng thôn C; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

5. *Người kháng cáo*:

5.1. Anh Nguyễn Bá K - Là bị đơn. (Có mặt)

5.2. Ông Nguyễn Bá K1 và bà Nguyễn Thị H2 - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông K1 vắng mặt, bà H2 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Hương N trình bày: Chị và anh Nguyễn Bá K được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn C), huyện C vào ngày 24/5/2023. Sau khi kết hôn, gia đình anh K tuyên bố chị chỉ được ở bên nhà anh K 01 tháng sau đó về nhà đẻ ở 01 tháng, cứ như vậy cho tới khi tổ chức đám cưới vào tháng 9/2023. Trong thời gian ở nhà anh K thì anh K đi làm từ sáng đến tối mới về, có khi hai ngày hoặc cả tuần mới về một lần. Còn thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ, anh K không điện thoại hỏi thăm, không sang gặp chị. Từ đó chị nhận ra anh K không có tình cảm với chị. Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ anh K tại thôn C, xã T, huyện C Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh K không quan tâm đến chị, không khí gia đình luôn căng thẳng. Đặc biệt, từ khi chị sinh con vào tháng 01/2024, giữa chị, anh K và bố mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mọi người có ý tách chị và con; khi mẹ đẻ chị đến chơi thì gia đình chồng đuổi mẹ chị ra ngoài, khoá cổng và tuyên bố không cho bố mẹ chị vào thăm; cấm không cho chị liên lạc với bố mẹ đẻ; mẹ chồng suốt ngày bé con chị, chỉ trích và chửi chị trước mặt anh K nhưng anh K cũng không nói gì. Khi con chị được 12 ngày tuổi bị ốm và phải nhập viện, chị không được vào phòng bé con mà phải ngồi bên ngoài hành lang bệnh

viện, không được gặp con, không được nghỉ ngơi trong khi chị vừa mới sinh con. Sau khi đưa con về nhà, mẹ chồng tiếp tục chỉ trích khiến chị mệt mỏi, buồn chán nên chị đã đi lang thang. Hôm sau gia đình tìm được đã đưa chị về nhà trong tình trạng bị suy nhược tinh thần. Ngày 16/01/2024, chị đến Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng và Ủy ban nhân dân xã T nộp đơn kêu cứu. Ngày 17/01/2024, đại diện chính quyền, Công an đưa chị vào gia đình anh K nhưng bố mẹ anh K chỉ cho chính quyền vào nhà còn chị thì không được vào và bị vắt hết đồ đạc cá nhân ra ngoài trước mặt mọi người, còn vu khống cho chị là đi theo trai bỏ con. Do hôm đó anh K không có nhà nên xã mời anh K và gia đình ngày hôm sau lên Ủy ban nhân dân xã G. Ngày 18/01/2024 tại Ủy ban nhân dân xã, anh K và gia đình có nhiều lời lẽ không có thật, vu khống chị nên kết quả hoà giải không thành. Anh K đề nghị cho anh chị tự hoà giải nhưng khi về đến nhà anh K chửi bới, lăng mạ và ném hết đồ đạc, đuổi chị ra ngoài không cho vào nhà. Từ đó đến nay chị và anh K không gặp lại, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024. Từ khi bị đuổi ra khỏi nhà, con chị được ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng, nhiều lần chị quay về mong được gặp và đón con nhưng đều bị bố mẹ chồng khoá cổng, không cho vào nhà và còn bị chửi bới; chị đã ghi âm và quay video giao nộp cho toà; chị đã làm đơn nhờ Hội phụ nữ huyện và xã T can thiệp nhưng đều không có kết quả. Nay chị tha thiết mong muốn Toà án giải quyết cho chị được nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Q (nay là xã Q), huyện G và làm nhân viên bán hàng cho Công ty cổ phần T2 tại huyện T, thu nhập 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Bá K trình bày: Anh và chị N tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn C), huyện C vào ngày 24/5/2023. Sau khi kết hôn, anh và chị N sống cùng bố mẹ anh tại thôn C, xã T, huyện C. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do chị N tính tình trẻ con, không hoà nhập được với gia đình anh. Anh và gia đình không hề có bất cứ một hành động nào xúc phạm đến tinh thần và thể xác của chị N. Khi con được 13 ngày tuổi, chị N bỏ đi, anh đã đi tìm nhưng không được, sau đó biết chị N về nhà đẻ ở không thông báo cho anh. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh mong muốn hàn gắn tình cảm để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024. Chị N bỏ đi từ khi cháu L2 mới được 13 ngày tuổi, anh chăm

sóc cháu từ đó đến nay nên đề nghị Toà án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay anh đang làm tại Công ty TNHH Q, địa chỉ tại: P tầng D, O, số A Đ, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội. Thu nhập khoảng 15 triệu/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá K1 và bà Nguyễn Thị H2 (bố mẹ đẻ anh K) trình bày: Trong thời gian làm việc ở Hà Nội, anh K uỷ quyền cho ông bà chăm sóc cháu L2; khi ở cùng ông bà, cháu L2 phát triển tốt vì vậy đề nghị Toà án tạm giao cháu L2 cho ông bà chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi anh K về Hải Dương. Ông bà tự nguyện không yêu cầu anh K, chị N phải trả tiền cấp dưỡng nuôi cháu L2.

Người làm chứng là bà Phạm Thị L1 (mẹ đẻ chị N) trình bày: Anh K, chị N quen biết yêu nhau trước đây như thế nào bà không biết nhưng khi chị N có bầu được 05 tháng thì gia đình anh K mới tổ chức lễ cưới. Suốt thời kỳ mang thai, chị N chủ yếu sống ở nhà bà, anh K không bao giờ sang thăm. Sau khi cưới anh K không cho chị N về nhà bà và gia đình bà cũng không được qua lại thăm con gái; thông qua điện thoại nhiều lần chị N chia sẻ chuyện anh K và gia đình đối xử tệ bạc, có lần chị N nói chỉ muốn tìm cái chết. Khi cháu L2 vừa ở bệnh viện về, chị N phải bỏ nhà đi lang thang. Gia đình bà muốn gặp anh K và thông gia nói chuyện nhưng anh K và gia đình thông gia không tiếp, sau đó gia đình bà đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng chị N vẫn không thể đón con về được. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N. Chị N và anh K có 01 con chung, đề nghị Toà án giao con cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Gia đình bà sẽ hỗ trợ cùng chị N chăm sóc cháu.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T: Gia đình ông Nguyễn Bá K1 và anh Nguyễn Bá K (con trai) là công dân thường xuyên sinh sống tại thôn C nhiều năm nay. Năm 2023, gia đình ông K1 tổ chức lễ cưới cho con trai là anh K nhưng vợ chồng anh K không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại xã T. Sau khi cưới, chị N anh K xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được vì vợ chồng anh K và gia đình ông K1 không giao lưu chơi bời với hàng xóm, thường xuyên khoá cổng. Ngày 17/01/2024 chị N và gia đình có đến UBND xã T gửi đơn kêu cứu nhờ Chính quyền và các đoàn thể can thiệp để được vào thăm gặp, chăm sóc, đón con mới đẻ. Trưởng thôn, Hội phụ nữ và Công an xã T đã cùng chị N, gia đình chị N vào gia đình anh K thì gia đình anh K chỉ cho 3 người địa phương vào, còn chị N và gia đình chị N không được vào. Ngày 18/01/2024 tại UBND xã T, tổ hoà giải phân tích nhưng chị N, anh K không tìm được tiếng nói chung. Sau đó chị N và gia đình chị nhiều lần đến nhờ xã đi cùng xuống gia đình anh K để được gặp con nhưng gia đình anh K đều không mở cổng cho chị N vào. Nay chị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: đề nghị Tòa án đảm bảo quyền nuôi con

cho người mẹ vì cháu bé còn quá nhỏ.

Kết quả xác minh tại Công an xã T (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Hải Dương thể hiện: Công dân Nguyễn Bá K, sinh ngày 07/7/1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C nhưng không cư trú, sinh sống tại xã T. Qua theo dõi Công an xã T nắm được anh K và các thành viên trong gia đình ông Nguyễn Bá K1 hiện đang cư trú sinh sống tại thôn C, xã T, huyện C Ngày 20/02/2024 Công an xã T trả lời phiếu trao đổi xác minh thông tin về cư trú của anh Nguyễn Bá K để Công an phường T, quận L, thành phố Hà Nội làm thông tin đăng ký tạm trú cho công dân Nguyễn Bá K, sinh ngày 07/7/1992; CCCD số 027092004721.

Kết quả xác minh tại Công an phường T, quận L, Hà Nội thể hiện: Công dân Nguyễn Bá K, sinh ngày 07/7/1992; CCCD số 027092004721 có đăng ký tạm trú tại địa chỉ B T, phường T, quận L, Hà Nội vào ngày 20/02/2024. Ngày 22/02/2024 anh Nguyễn Bá K được Công an phường T, quận L giải quyết cho đăng ký tạm trú. Thời hạn tạm trú đến ngày 20/02/2026.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 85, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị Hương N ly hôn anh Nguyễn Bá K.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024 cho chị Hồ Thị Hương N có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi cháu L2 thành niên hoặc khi chị N, anh K có thỏa thuận, yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Bá K1, hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh L2 từ khi cháu Khánh L2 được 13 ngày tuổi đến nay. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Bá K1 về việc không yêu cầu anh K, chị N phải trả tiền công sức, tiền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Khánh L2 từ khi cháu L2 13 ngày tuổi đến ngày xét xử.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N. Anh K, bà H2 và ông K1 có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Khánh L2 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2024 bị đơn anh Nguyễn Bá K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khách quan, toàn bộ các chứng cứ, nội dung có trong vụ án, chưa làm rõ những vấn đề liên quan theo yêu cầu của đương sự, chưa trung cầu giám định nội dung chứng cứ là video và file ghi âm có trong USB mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo điểm c, d khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự, áp đặt ý chí chủ quan để kết luận bản án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của anh. Về vấn đề nuôi con: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng sai quy định của pháp luật, không áp dụng các quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2024 của Hội đồng Thẩm phán và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình khi giải quyết về việc nuôi con.

Ngày 06/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Bá K1 và bà Nguyễn Thị H2 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng do cấp sơ thẩm đã áp dụng sai quy định pháp luật, không dựa vào điều kiện chăm sóc cho con chung sau khi ly hôn của chị N, không áp dụng Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/HĐTP-TANDTC ra các quyết định gây bất lợi cho anh K, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông bà.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh Nguyễn Bá K trình bày: Anh xác định chỉ kháng cáo về quan hệ con chung là đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024 của anh nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh không kháng cáo nội dung nào khác. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, anh và chị N đã thống nhất thỏa thuận giao cháu L2 cho anh nuôi dưỡng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Trong thời gian đi làm, anh nhờ bố mẹ đẻ là ông K1, bà H2 hỗ trợ anh chăm sóc cháu L2. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh và chị N về việc nuôi con chung, giao cháu L2 cho anh nuôi dưỡng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và gửi bản tự khai cho Tòa án với nội dung trước khi Tòa án mở phiên tòa phúc thẩm, chị N và anh K đã thống nhất thỏa thuận nhất trí giao con chung là Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024 cho anh Nguyễn Bá K nuôi dưỡng. Anh K tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con, chị N nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh K về quan hệ con chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Do anh K và chị N đã thỏa thuận về việc giao cháu L2 cho anh K nuôi dưỡng nên bà tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo. Vợ chồng bà sẽ hỗ trợ anh K trong

việc trông nom, chăm sóc cháu L2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và các đương sự cơ bản chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Bá K1, bà Nguyễn Thị H2.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Bá K. Sửa bản án sơ thẩm số 18/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Hồ Thị Hương N và anh Nguyễn Bá K: Giao cho anh Nguyễn Bá K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024 cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Anh Nguyễn Bá K, ông Nguyễn Bá K1, bà Nguyễn Thị H2 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Bá K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá K1, bà Nguyễn Thị H2 trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, người kháng cáo là ông Nguyễn Bá K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Thị H2 tự nguyện xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông K1, bà H2.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Bá K thì thấy:

[2.1] Về quan hệ con chung: Chị N và anh K có 01 con chung là Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024. Do cháu L2 còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu L2 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N vắng mặt, gửi bản tự khai với nội dung nhất trí giao cháu L2 cho anh K nuôi dưỡng; người đại diện theo ủy quyền

của chị N và anh K đều đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị N, anh K là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của anh K và chị N, cần sửa bản án sơ thẩm, giao con chung là Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024 cho anh K nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh K.

[3] Về án phí: Anh K, bà H2 phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Do ông K1 là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Bá K1 và bà Nguyễn Thị H2.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Bá K về quan hệ con chung. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Hồ Thị Hương N và anh Nguyễn Bá K về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Bá K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Khánh L2, sinh ngày 01/01/2024 kể từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Bá K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh K đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0007236 ngày 23/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Anh K đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được đối trừ với số tiền 300.000 đồng bà H2 đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0007235

ngày 23/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng . Bà H2 đã nộp đủ án phí.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Bá K1.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (16/01/2025)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa